

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 02 - 8 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Đỗ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thu N**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Bùi Chí T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Anh **Bùi Chí T** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/8/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi, bất đồng ý kiến, anh T không quan tâm chăm lo cuộc sống của vợ con, anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2021. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Chí T.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Bùi Chí K, sinh ngày 27/01/2021 hiện chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 3,5 chỉ vàng cưới, loại vàng 24K, trong đó có đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K. Vàng cưới hiện do chị N đang quản lý, chị N yêu cầu chia cho anh T số vàng cưới 1,5 chỉ vàng 24K, còn chị N được chia 1,5 chỉ vàng 24K và đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Chí T trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về quá trình tạo lập hôn nhân, con chung là đúng. Về quan hệ hôn nhân, anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Bùi Chí K, sinh ngày 27/01/2021 do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi được sinh ra cho đến nay. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 3,5 chỉ vàng cưới, loại vàng 24K (trong đó có đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K) hiện do chị N đang quản lý, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Anh T đồng ý chia cho chị N đôi bông tai 0,5 chỉ vàng 24K, 03 chỉ vàng 24K còn lại chia cho anh T và chị N mỗi người được chia 1,5 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thu N và anh Bùi Chí T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Bùi Chí K sinh ngày 27/01/2021 cho chị Trần Thu N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bùi Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con

chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chia tài sản chung, nợ chung, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 08/5/2024, anh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao cho anh T được nuôi con chung là Bùi Chí K, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao con chung cho chị N nuôi dưỡng anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Tất cả thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 35/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Trần Thu N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu N và anh Bùi Chí T kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 11/8/2020 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T đồng ý. Bản án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Bùi Chí K, sinh ngày 27/01/2021 hiện chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản án sơ thẩm quyết định giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T kháng cáo không đồng ý, đề nghị giao cho anh được trực tiếp chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận anh chị sống ly thân trước khi ly hôn hai năm thì cháu K do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hàng tuần anh T đến thăm nom và đón cháu K về thăm ông bà nội, chị N vẫn tạo điều kiện cho anh thăm nom và đón cháu K, anh thấy cháu K vui vẻ, khỏe mạnh.

Anh T cho rằng anh có công việc ổn định có thu nhập hàng tháng từ 6.500.000 đồng đến 7.500.000 đồng, cao hơn mức thu nhập của chị N, anh còn trông cam đang có thu hoạch nên đảm bảo điều kiện nuôi con tốt hơn chị N. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu do chị N cung cấp có trong hồ sơ vụ án cho thấy chị N hiện làm công nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn T1, mức lương thu nhập từ tháng 01/2024 đến tháng 05/2024 thể hiện tháng thấp nhất 6.264.000 đồng và tháng cao nhất 8.848.000 đồng. Do đó anh T cho rằng chị N có thu nhập ít hơn và không đảm bảo nuôi con là không có căn cứ.

Mặt khác, hiện tại con chung của anh chị là cháu K còn nhỏ tuổi, được chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay. Để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu K và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu K được phát triển trong điều kiện tốt nhất nên giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, đảm bảo được lợi ích tốt nhất của con chung, cần được giữ nguyên, vì vậy kháng cáo của anh T không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Xét thấy anh T là người không trực tiếp nuôi con và có mức thu nhập ổn định hàng tháng nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Chí T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Chí T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 246, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung tên Bùi Chí K sinh ngày 27/01/2021 cho chị Trần Thu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Chí T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp ngày 10/5/2024 theo biên lai

thu số N₀ 0011328 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL;
- TAND huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- CCTHADS huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Dung